

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 78/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh chấp thuận cho Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Bảo An thực hiện dự án đầu tư khai thác đá vôi là vật liệu xây dựng thông thường.

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Hoà Bình về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Tiến Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Hoà Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Một thành viên thiết bị Bảo An thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh Hoà Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Một thành viên thiết bị Bảo An thuê đất (đợt 2) để thực hiện dự án Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Trung Sơn và xã Tiến Sơn, huyện Lương Sơn (tổng diện tích thuê đợt 1 và đợt 2) do Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Bảo An làm chủ đầu tư.

Hôm nay, ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình, chúng tôi gồm:



I. Bên A (bên cho thuê đất): Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Ông: **Nguyễn Trần Anh** - Chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình làm đại diện.

- Trụ sở: Đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình.

II. Bên B (bên thuê đất): Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Bảo An.

- Ông: **Vũ Viết Hùng** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

- Trụ sở chính: Xóm Bến Cuối, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5400343868 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 31/3/2010; cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 26/09/2018.

- Mã số thuế: 5400343868.

- Tài khoản: 603.11.88.688.688 tại Ngân hàng TMCP quân đội chi nhánh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 0948494072.

III. Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên A cho Bên B thuê khu đất như sau:

1. Tổng diện tích đất thuê 101.786,7 m² (*Một trăm linh một nghìn, bảy trăm tám mươi sáu phẩy bảy mét vuông*) tại xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/1000 kèm theo Tờ trình số 376/TTr-STNMT ngày 26 tháng 8 năm 2019; số 473/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thời hạn thuê đất: đến ngày 05/12/2042 (*thời gian hoạt động của dự án 30 năm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 68/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình*).

4. Mục đích sử dụng đất thuê: khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 2. Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất được thực hiện theo Thông báo số 1638/TB-CT ngày 08/4/2020 của Cục thuế tỉnh Hoà Bình.

Tổng diện tích 101.786,7 m² đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình.

- Diện tích đất thuê đợt 1: 74.963,5 m² tại xã Liên Sơn (trước đây là xã Trung Sơn) thuộc khu vực 5, gồm 03 vị trí:

+ Vị trí 3: Diện tích 5.322,3 m²; Đơn giá 2.970 đồng/m²/năm (Hai nghìn, chín trăm bảy mươi đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 4: Diện tích 23.782,7 m²; Đơn giá 1.080 đồng/m²/năm (Một nghìn, không trăm tám mươi đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 5: Diện tích 45.858,5 m²; Đơn giá 945 đồng/m²/năm (Chín trăm bốn mươi lăm đồng một mét vuông một năm);

- Diện tích đất thuê đợt 2: 26.823,2 m² tại xã Liên Sơn (trước đây là xã Trung Sơn và xã Tiến Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình).

Trong đó:

* Diện tích 23.420,2 m² tại xã Trung Sơn (cũ) thuộc khu vực 5 gồm 4 vị trí:

+ Vị trí 1: Diện tích 9.743,7 m²; Đơn giá 5.400 đồng/m²/năm (Năm nghìn, bốn trăm đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 2: Diện tích 6.725,6 m²; Đơn giá 4.050 đồng/m²/năm (Bốn nghìn không trăm năm mươi đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 3: Diện tích 6.527,2 m²; Đơn giá 2.970 đồng/m²/năm (Hai nghìn chín trăm bảy mươi đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 4: Diện tích 423,7 m²; Đơn giá 1.080 đồng/m²/năm (Một nghìn không trăm tám mươi đồng một mét vuông một năm);

* Diện tích 3.403 m² tại xã Tiến Sơn (cũ) thuộc khu vực 1 gồm 5 vị trí:

+ Vị trí 1: Diện tích 375 m²; Đơn giá 5.400 đồng/m²/năm (Năm nghìn, bốn trăm đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 2: Diện tích 375,6 m²; Đơn giá 4.050 đồng/m²/năm (Bốn nghìn không trăm năm mươi đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 3: Diện tích 131,7 m²; Đơn giá 2.970 đồng/m²/năm (Hai nghìn chín trăm bảy mươi đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 4: Diện tích 28,3 m²; Đơn giá 1.080 đồng/m²/năm (Một nghìn không trăm tám mươi đồng một mét vuông một năm);

+ Vị trí 5: Diện tích 2.510,4 m²; Đơn giá 945 đồng/m²/năm (Chín trăm bốn mươi lăm đồng một mét vuông một năm);

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 26/11/2019 và được ổn định đến hết ngày 25/11/2024.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Hoà Bình.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và Quyết định chủ trương đầu tư

H. C. N
SỞ
NGUYỄN
VÀ
TRƯỜNG
H. T. A. R. N

số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình chấp thuận cho Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Bảo An thực hiện dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên A bảo đảm việc sử dụng đất của Bên B trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên B bị thay đổi do chia tách, sát nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên B bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên B trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc của các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;
3. Bên B bị phá sản, bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. Bên B bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật Đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường do việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác:

- Khi hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất nêu tại Khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng này, Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất theo đơn giá thuê đất do cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật.

- Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Bảo An phải đưa đất vào sử dụng theo tiến độ dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa.

- Thực hiện đầu tư dự án theo tiến độ đã được chấp thuận.

- Bên B đồng ý để Nhà nước thu hồi đất khi không đưa đất vào sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng kể từ khi được bàn giao đất trên thực địa và không yêu cầu gia hạn thêm thời gian thực hiện.

- Trường hợp Nhà nước thu hồi đất do lỗi của bên B, bên B cam kết:

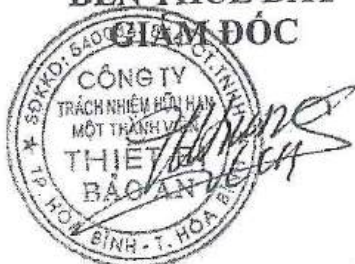
+ Tự di chuyển toàn bộ tài sản trên đất và bàn giao mặt bằng cho bên A trong thời hạn 6 tháng kể từ khi có Quyết định thu hồi đất.

+ Không yêu cầu bồi thường, hỗ trợ các khoản chi phí nào khác.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi Bên giữ 01 bản, 01 bản gửi Cục Thuế tỉnh Hoà Bình, 01 bản gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh Hoà Bình, 01 bản lưu văn thư Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hợp đồng này thay thế Hợp đồng thuê đất số 66/HĐTD ngày 30/9/2019 đã ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình với Công ty TNHH Một thành viên Bảo An và có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Stylus*

BÊN THUÊ ĐẤT
GIÁM ĐỐC



Vũ Viết Hùng

BÊN CHO THUÊ ĐẤT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trần Anh

Số: 77 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(Cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2018)
(Điều chỉnh lần thứ nhất ngày 27 tháng 5 năm 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 78/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Bảo An thực hiện dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 171/BC-STC ngày 12 tháng 4 năm 2025; Văn bản số 2948 /STC-DN ngày 19 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đã được chấp thuận tại Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất: Nội dung thông tin về nhà đầu tư được chấp thuận tại Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“Chấp thuận nhà đầu tư: Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400343868 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 31/3/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 23/12/2024; Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Chũm, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam; Điện thoại: 0948494072; Email: baoanhhoabinh@gmail.com.

Người đại diện theo pháp luật: Vũ Viết Hùng - Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày 18/4/1978; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Thẻ căn cước công dân số 030078000299, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 17/8/2022; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 21 Venice 14 Vinhomes, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai: Nội dung Quy mô đầu tư quy định tại mục 3 Điều 1 Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“Quy mô xây dựng như sau:

STT	Hạng mục đầu tư xây dựng	Diện tích xây dựng (m ²)
A	Khu vực khai thác	74.963,5
B	Khu vực mặt bằng chế biến và các công trình phụ trợ	22.193,5
1	Nhà văn phòng điều hành sản xuất	36,0
2	Nhà ở công nhân	72,0
3	Nhà bếp + ăn	138,0
4	Nhà kho chất thải (Đã xây dựng)	9,0
5	Nhà vệ sinh	54,0
6	Nhà bảo vệ	24,0
7	Nhà để xe	132,0
8	Bể nước	16,0
9	Hồ lắng	284,0
10	Bãi xúc chân tuyến (Đã xây dựng)	6.000,0
11	Bãi chế biến, trạm nghiền sàng (Đã xây dựng)	5.000,0
12	Bãi chứa thành phẩm	7.500,0
13	Hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan (Đã xây dựng)	2.928,5

STT	Hạng mục đầu tư xây dựng	Diện tích xây dựng (m ²)
C	Đường giao thông	14.748,5
	Tổng (A+B+C):	111.905,5

”

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba: Nội dung địa điểm thực hiện dự án quy định tại mục 4 Điều 1 Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“4. Địa điểm thực hiện dự án: Núi Đạng Bương, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.”

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư: Nội dung diện tích sử dụng đất quy định tại mục 5 Điều 1 Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“5. Tổng diện tích đất sử dụng: 111.905,5m².”

5. Nội dung điều chỉnh thứ năm: Nội dung tổng vốn đầu tư quy định tại mục 6 Điều 1 Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 44.760.000.000đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Trong đó, vốn tự có của nhà đầu tư là 11.190.000.000 đồng (chiếm 25% tổng vốn đầu tư) còn lại là vốn vay và huy động khác.”

6. Nội dung điều chỉnh thứ sáu: Nội dung tiến độ thực hiện dự án quy định tại mục 8 Điều 1 Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Đến hết quý I năm 2025: Dự án đã hoạt động khai thác, kinh doanh.
- Từ quý II năm 2025 đến quý IV năm 2025: Hoàn thành các thủ tục pháp lý của dự án về đầu tư, đất đai, xây dựng và các thủ tục khác có liên quan đối với diện tích mở rộng.
- Từ quý I năm 2026 đến quý II năm 2027: Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình còn lại của dự án, lắp đặt thiết bị đồng bộ theo quy mô đầu tư điều chỉnh được duyệt.
- Từ quý III năm 2027: Hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động, kinh doanh.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn phối hợp với Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An triển khai dự án theo đúng quy định hiện hành.

2. Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An có trách nhiệm:

- Thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 (đối với phần tăng tổng vốn đầu tư điều chỉnh).

- Làm việc với Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn và các cơ quan liên quan, để đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện làm cơ sở thực hiện thủ tục đất đai bảo đảm theo quy định.

- Làm việc với Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về xây dựng. Không triển khai đầu tư xây dựng các hạng mục mới khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn và Ủy ban nhân dân xã Liên Sơn trong quá trình triển khai thực hiện dự án, tuyển dụng lao động và các nội dung khác liên quan.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về quy hoạch, quản lý và sử dụng đất, sử dụng rừng, đầu tư, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các quy định khác có liên quan. Thực hiện dự án theo đúng tiến độ cam kết và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành khi dự án thực hiện không đúng tiến độ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn, Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An, các cơ quan tại khoản 2 Điều này và 01 bản được lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, XD, NN&MT, Công thương, Nội vụ;
- Bộ CHQS tỉnh;
- Chi Cục thuế khu vực I;
- UBND huyện Lương Sơn;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- TT phục vụ HCC tỉnh;
- UBND xã Liên Sơn;
- Lưu: VT, KTN (Đ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Quách Tất Liêm

Số: 153 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(Cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2018)
(Điều chỉnh lần thứ nhất ngày 27 tháng 5 năm 2025)
(Điều chỉnh lần thứ hai ngày 27 tháng 6 năm 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 78/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Bảo An thực hiện dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 77/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 490/BC-STC ngày 20 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình chấp thuận lần đầu tại Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, điều chỉnh lần thứ nhất tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 với nội dung như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung Quy mô dự án đối với công suất khai thác quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“Công suất khai thác: 360.000 m³/năm.”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung Tổng vốn đầu tư dự án quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 77/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“Tổng vốn đầu tư của dự án: 44.862.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu đồng). Trong đó, vốn tự có của nhà đầu tư là 13.459.000.000 đồng (chiếm 30% tổng vốn đầu tư) còn lại là vốn vay và huy động khác.”

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Nội dung Thời hạn hoạt động của dự án quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được điều chỉnh như sau:

“Thời gian thực hiện của dự án: Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường từ năm 2025 đến năm 2035; năm 2026 khai thác khối lượng còn lại là 25.531m³, thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai thác và đóng cửa mỏ tại núi Đàng Bương được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 68/QĐ-UBND ngày 05/2/2012.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn phối hợp với Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An triển khai dự án theo đúng quy định hiện hành.

2. Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An có trách nhiệm:

- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được có ý kiến, nhà đầu tư phải báo cáo cơ quan đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trước khi thực hiện.

- Nghiên cứu, lựa chọn đầu tư mua sắm, lắp đặt máy móc, thiết bị áp dụng trong quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm đảm bảo tính phù hợp, tiên tiến, hiện

đại; Triển khai tốt kế hoạch đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ sản xuất của dự án, đồng thời vận hành, bảo dưỡng dây chuyền công nghệ sản xuất đảm bảo điều kiện sử dụng công nghệ, hiệu quả, an toàn lao động và vệ sinh môi trường, tránh rủi ro và các sự cố phát sinh.

- Kiểm soát, thu gom và xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án đảm bảo các quy định của Pháp luật hiện hành về môi trường.

- Làm việc với Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về khoáng sản, môi trường bảo đảm theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn và chính quyền địa phương trong quá trình triển khai thực hiện dự án, tuyển dụng lao động và các nội dung khác liên quan.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về quy hoạch, quản lý và sử dụng đất, sử dụng rừng, đầu tư, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các quy định khác có liên quan. Thực hiện dự án theo đúng tiến độ cam kết và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành khi dự án thực hiện không đúng tiến độ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động của dự án theo quy định tại Điều 72 của Luật Đầu tư.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 và Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn, Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty TNHH Khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An, các cơ quan tại khoản 2 Điều này và 01 bản được lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình./. *Đã ký*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, XD, NN&MT, Công thương;
- Chi Cục thuế khu vực I;
- UBND huyện Lương Sơn;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- TT phục vụ HCC tỉnh;
- UBND xã Liên Sơn;
- Lưu: VT, KTN (Đ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quách Tất Liêm

PHỤ LỤC I.2

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 02386250236 Email: Labkttmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: T06.2404/2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An
Địa chỉ	Xóm Chũm, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Mỏ đá Đặng Bương, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	T1: Tại hồ lắng. (N=20°45'58.8", E= 105°36'52.3") T2: Tại mương thoát nước. (N=20°45'59.3", E= 105°36'52.2")
Ngày quan trắc	16/04/2025
Ngày phân tích	17/04/2025 đến 24/04/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 14:2008/BTNMT
				T1	T2	Cột B, Cmax
1	pH		TCVN 6492:2011	6,8	7,0	5 ÷ 9
2	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B: 2023	43,5	37,5	60
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	81,6	75,3	-
4	Độ đục.	NTU	SMEWW 2130B:2023	39,2	33,9	-
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	75,5	60,5	120
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,1	1,5	24

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.

BM 09.02.01

Trang: 1/2

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 14:2008/BTNMT
				T1	T2	Cột B, Cmax
7	SO ₄ ²⁻	mg/L	TCVN 6200:1996	22,4	21	-
8	S ²⁻	mg/L	TCVN 6637:2000	2,72	1,46	4,8
9	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	TCVN 5988:1995	5,74	4,62	12
10	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	9,25	8,69	-
11	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	2,27	1,56	-
12	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	4.600	3.900	5.000

Ghi chú: - (-): Không quy định

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (Cmax, K=1,2).

QA/QC ✓



Phan Thị Thủy

Phó trưởng phòng



Nguyễn Nam Long

Nghệ An, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TUQ. Giám đốc
Trưởng phòng TN



Nguyễn Trọng Lực

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.

BM 09.02.01

Trang: 2/2



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 02386250236 Email: Labkttmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M05.2404/2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An
Địa chỉ	Xóm Chũm, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Mỏ đá Đặng Bương, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu	Nước mặt
Vị trí quan trắc	M1: Tại suối cạnh mỏ (N = 20°45'56.2", E = 105°36'48.4")
Ngày quan trắc	16/04/2025
Ngày phân tích	17/04/2025 đến 24/04/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT			
				M1	Mức A	Mức B	Mức C	Mức D
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,5	6,5 ÷ 8,5	6,0 ÷ 8,5	6,0 ÷ 8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B:2023	5,2	≤4	≤6	≤10	>10
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	10,4	≤10	≤15	≤20	>20
4	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,31	≥6,0	≥5,0	≥4,0	≥2,0
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023	22,3				
6	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	20,5	≤25	≤100	>100 và không có rác nổi	>100 và có rác nổi
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH	0,3 ⁽¹⁾			

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.

BM 09.02.01

Trang: 1/2



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 02386250236 Email: Labkttmtna@gmail.com - VILAS 499 VIMCERTS 004

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 2			
				M1	Mức A	Mức B	Mức C	Mức D
8	NO ₂ ⁻ - N	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,04	0,05 ⁽¹⁾			
9	NO ₃ ⁻ - N	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,84	-			
10	PO ₄ ³⁻ - P	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,08	-			
11	Cr ⁶⁺	mg/L	TCVN 7939:2008	KPH	0,01 ⁽¹⁾			
12	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<0,7	5 ⁽¹⁾			
13	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	790	≤1.000	≤5.000	≤7.500	>7.500

Ghi chú: - (-): Không quy định, "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước mặt; Bảng 2

- (1): Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

QA/QC

Phan Thị Thủy

Phó trưởng phòng

Nguyễn Nam Long

Nghệ An, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TUQ. Giám đốc
Phòng TN



Nguyễn Trọng Lục

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K05.2404/2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An
Địa chỉ	Xóm Chũm, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Mỏ đá Đặng Bương, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu	Không khí
Vị trí quan trắc	K1: Khu vực moong khai thác (N = 20°45'52.5", E = 105°36'50.2") K2: Khu vực trạm nghiền sàng (N = 20°45'58.0", E = 105°36'51.0")
Ngày quan trắc	16/04/2025
Ngày phân tích	17/04/2025 đến 24/04/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT
				K1	K2	GTGH
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,3	31,4	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	50,8	51,0	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,4	0,4	-
4	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	41,2	40,4	-
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	71,3	76,2	-
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	75,2	79,6	350

Lưu ý:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PIN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.

09.02.01

Trang: 1/2



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT
				K1	K2	GTGH
7	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	PTK.04:2020	<4.000	<4.000	30.000
8	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	60,1	63,8	200
9	Bụi TSP	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	192,8	198,0	300

Ghi chú: - (-): Không quy định

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí;

GTGH: Giá trị giới hạn - Thông số cơ bản trung bình 1 giờ.

QA/QC

Phan Thị Thủy

Phó trưởng phòng

Nguyễn Nam Long

Nghệ An, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TUO. Giám đốc

Phòng TN



Nguyễn Trọng Lục

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 02386250236 Email: Labkttmntna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K07.2404/2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An
Địa chỉ	Xóm Chũm, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Mỏ đá Đặng Bương, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu	Không khí
Vị trí quan trắc	K3: Khu vực văn phòng. (N = 20°45'59.8", E = 105°36'50.8") K4: Khu vực kho mìn. (N = 20°45'53.0", E = 105°36'47.0")
Ngày quan trắc	16/04/2025
Ngày phân tích	17/04/2025 đến 24/04/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	
				K3	K4
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,1	31,0
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	51,1	50,6
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,3	0,4
4	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	33,6	34,0
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,4	60,1
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	63,7	72,7

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	
				K3	K4
7	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	PTK.04:2020	<4.000	<4.000
8	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	52,6	56,3
9	Bụi TSP	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	167,2	177,5

QA/QC ☒

Phó trưởng phòng

Nghệ An, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TUQ. Giám đốc
Trưởng phòng TN

Phan Thị Thủy

Nguyễn Nam Long



Nguyễn Trọng Lực

Chú thích:

— Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích

— (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

— Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.

— Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.

29.02.01

Trang: 2/2



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 02386250236 Email: Labkttnmtna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K06.2404/2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An
Địa chỉ	Xóm Chũm, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Mỏ đá Đặng Bương, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu	Không khí
Vị trí quan trắc	K5: Khu vực trên đường vận chuyển (N=20°45'56.0", E = 105°36'49.9")
Ngày quan trắc	16/04/2025
Ngày phân tích	17/04/2025 đến 24/04/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				K5	GTGH
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,5	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	50,9	-
3	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	35,6	70 ^a
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,7	70 ^b
5	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	74,1	350
6	CO	µg/Nm ³	PTK.04:2020	<4.000	30.000

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				K5	GTGH
7	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	57,0	200
8	Bụi TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	181,2	300

Ghi chú: - (-): Không quy định

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí;
- GTGH: Giá trị giới hạn - Thông số cơ bản trung bình 1 giờ;
- (a) QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về độ rung
- (b) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn.

QA/QC



Phan Thị Thủy

Phó trưởng phòng



Nguyễn Nam Long

Nghệ An, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TUQ. Giám đốc
Trưởng phòng TN



Nguyễn Trọng Lục

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.



CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 02386250236 Email: Labkttntna@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: Đ01.2404/2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH khai thác khoáng sản thiết bị Bảo An
Địa chỉ	Xóm Chũm, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Mỏ đá Đạng Bương, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Loại mẫu	Đất
Vị trí quan trắc	Đ1: Cạnh khu vực chế biến (N = 20°45'58.4", E = 105°36'50.0")
Ngày quan trắc	16/04/2025
Ngày phân tích	17/04/2025 đến 24/04/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT
				Đ1	Loại 3
1	pH	-	TCVN 5979:2021	5,9	-
2	Cd	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	<0,2	60
3	Pb	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	9,2	700
4	Hg	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7471B	KPH	60
5	As	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH	200

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích
- (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.
- Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.

BM 09.02.01

Trang: 1/2



Ghi chú: - (-): Không quy định; KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất.

Nghệ An, ngày 24 tháng 04 năm 2025

QA/QC

Phó trưởng phòng

TUQ. Giám đốc
Trưởng phòng TN

Phan Thị Thủy

Nguyễn Nam Long



Nguyễn Trọng Lực

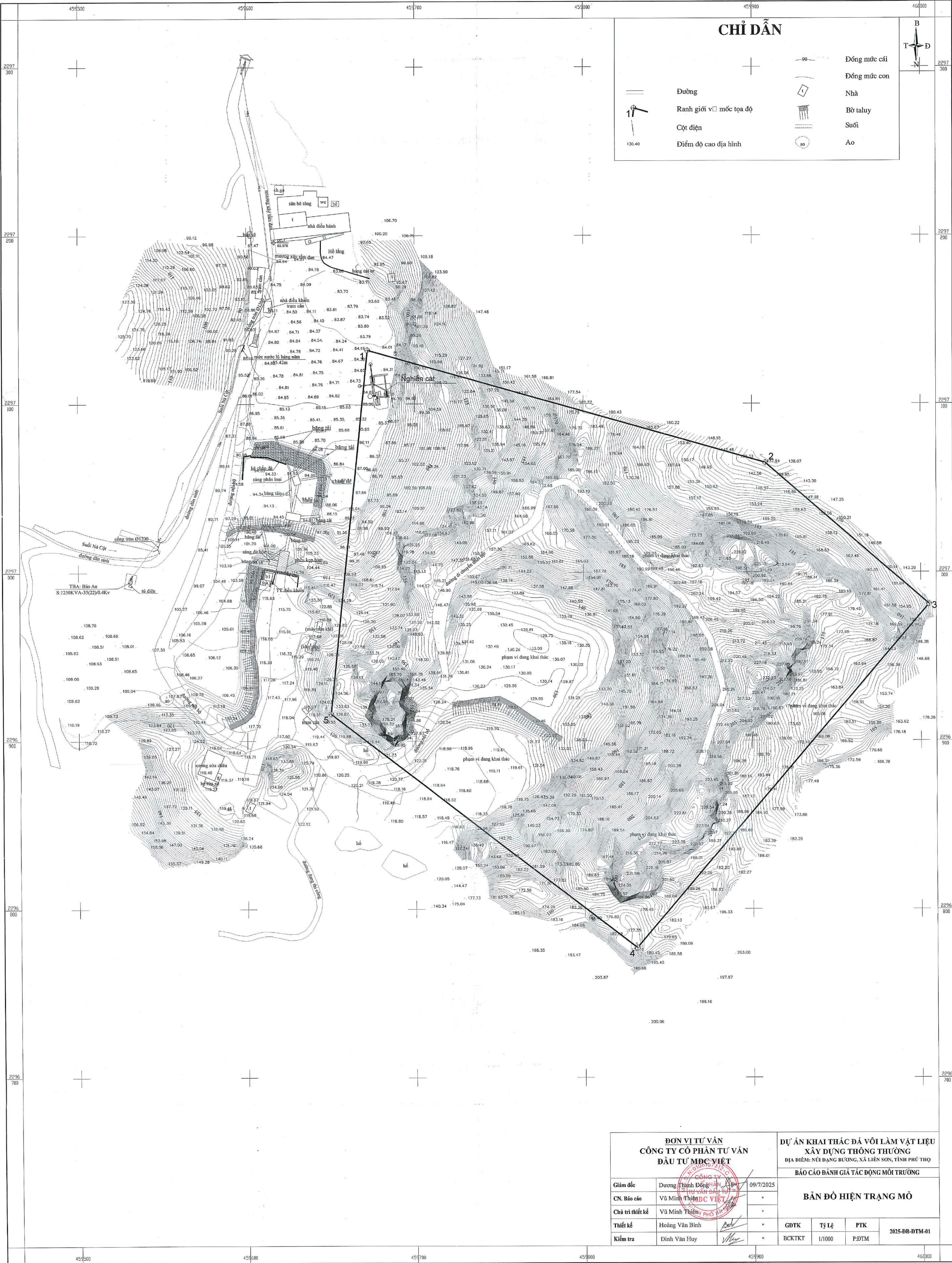
VIMCERTS004

Chú thích:

- | |
|---|
| - Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu - đo - phân tích |
| - (*) là chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ |
| - Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường. |
| - Sau 7 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này. |

PHỤ LỤC I.3

CÁC BẢN VẼ CỦA BÁO CÁO ĐTM



ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỘC VIỆT				DỰ ÁN KHAI THÁC ĐÁ VỚI LÂM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG ĐỊA ĐIỂM: NÚI ĐANG BƯỜNG, XÃ LIÊN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ			
				BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG			
Giám đốc	Dương Thanh Đồng	09/7/2025		BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG MÔ			
CN. Báo cáo	Vũ Minh Thiện						
Chủ trì thiết kế	Vũ Minh Thiện						
Thiết kế	Hoàng Văn Bình			GTK	Tỷ Lệ	PTK	2025-DB-ĐTM-01
Kiểm tra	Dinh Văn Huy			BCKTKT	1/1000	P-ĐTM	

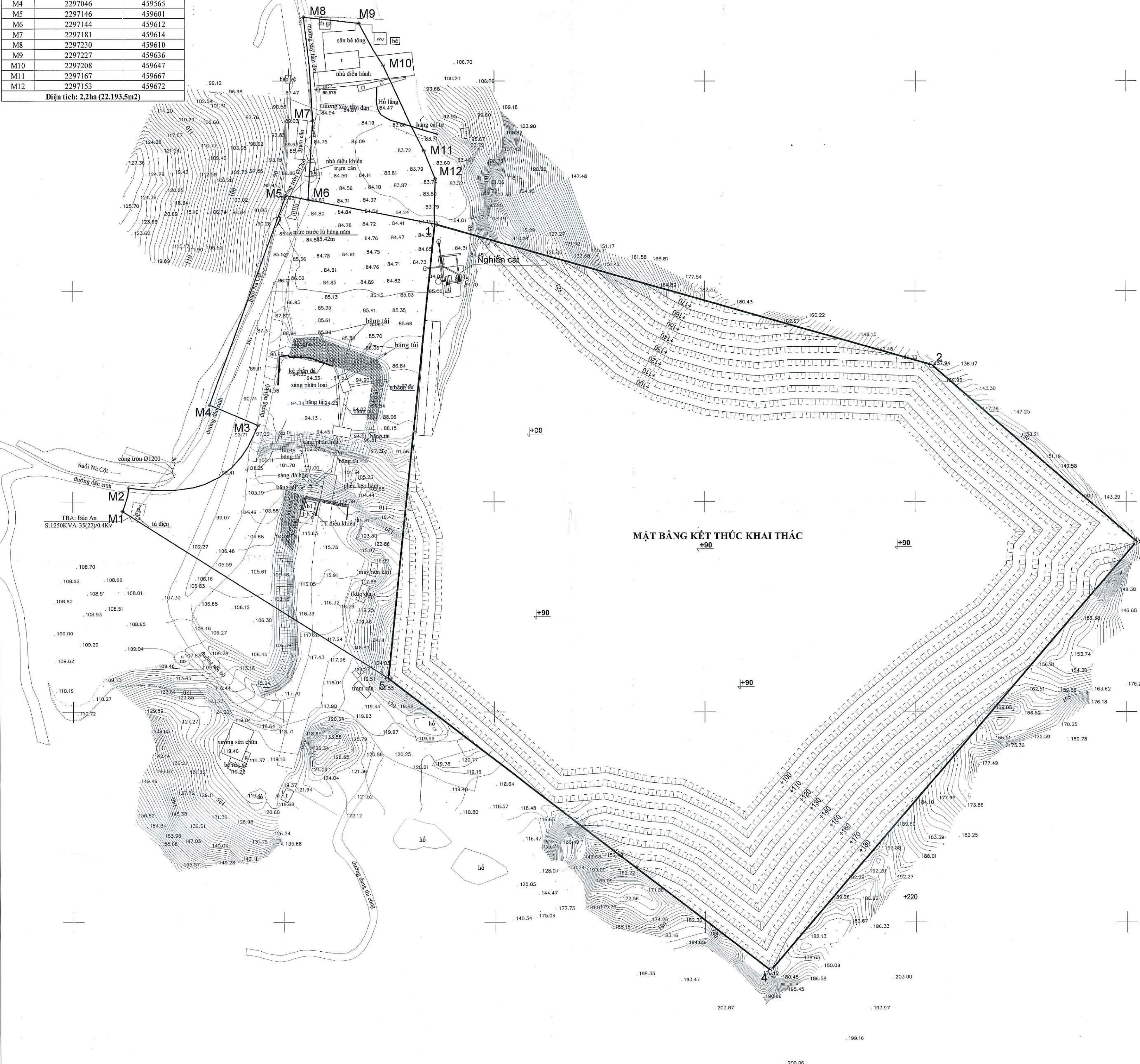
Tỷ Lệ 1:1000
1 cm trên bản đồ bằng 10 m ngoài thực địa
20m 10 0 20 40 60 80m
Khoảng cao đều đường đồng mức 1.0 m
Hệ cao độ: Nhà nước
Hệ tọa độ: VN-2000, kinh tuyến trực 106° 00' mỗi chiều 3°

Bảng tọa độ ranh giới khu mỏ		
Hệ VN2000, KTT 106° 00', mũi chiếu 3°		
Tên điểm	X(m)	Y(m)
1	2297132.00	459672.00
2	2297065.00	459908.00
3	2296981.00	460005.00
4	2296777.00	459831.00
5	2296916.00	459650.00
Diện tích: 7,5 ha		

Bảng tọa độ ranh giới khu vực		
mặt bằng chế biến và các công trình phụ trợ		
Hệ VN2000, KTT 106° 00', mũi chiếu 3°		
Tên điểm	X(m)	Y(m)
I	2297132	459672
5	2296916	459650
M1	2296995	459524
M2	2297007	459527
M3	2297036	459588
M4	2297046	459565
M5	2297146	459601
M6	2297144	459612
M7	2297181	459614
M8	2297230	459610
M9	2297227	459636
M10	2297208	459647
M11	2297167	459667
M12	2297153	459672
Diện tích: 2,2ha (22.193,5m2)		

CHỈ DẪN

	Đường		Đồng mức cái
	Ranh giới v		Đồng mức con
	Cột điện		Nhà
	Điểm độ cao địa hình		Bờ taluy
			Suối
			Ao



Bảng tổng hợp diện tích sử dụng đất và các công trình xây dựng của dự án		
STT	Hạng mục đầu tư xây dựng	Diện tích xây dựng (m²)
A	Khu vực khai thác	74.963,5
B	Khu vực mặt bằng chế biến và các công trình phụ trợ	22.193,5
1	Nhà văn phòng điều hành sản xuất	36,0
2	Nhà ở công nhân	72,0
3	Nhà bếp + ăn	138,0
4	Nhà kho chất thải (Đã xây dựng)	9,0
5	Nhà vệ sinh	54,0
6	Nhà bảo vệ	24,0
7	Nhà để xe	132,0
8	Bể nước	16,0
9	Hồ lắng	284,0
10	Bãi xúc chân tuyến (Đã xây dựng)	6.000,0
11	Bãi chế biến, trạm nghiền sàng (Đã xây dựng)	5.000,0
12	Bãi chứa thành phẩm	7.500,0
13	Hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan (Đã xây dựng)	2.928,5
C	Đường giao thông và các công trình khác	14.748,5
Tổng (A+B+C):		111.905,5

ĐƠN VỊ TƯ VẤN			DỰ ÁN KHAI THÁC ĐÁ VỚI LÂM VẬT LIỆU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN			XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG		
ĐẦU TƯ MỘC VIỆT			ĐỊA ĐIỂM: NÚI ĐẠNG BƯỞNG, XÃ LIÊN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ		
			BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG		
Giám đốc	Dương Thanh Đồng	09/7/2025	BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG		
CN. Bảo cáo	Vũ Minh Thiên	"			
Chủ trì thiết kế	Vũ Minh Thiên	"			
Thiết kế	Hoàng Văn Bình	"			
Kiểm tra	Đinh Văn Huy	"	GDTK	Tỷ Lệ	PTK
			BCKTKT	1/1000	P:DTM
					2025-ĐB-BTM-02

Tỷ Lệ 1:1000

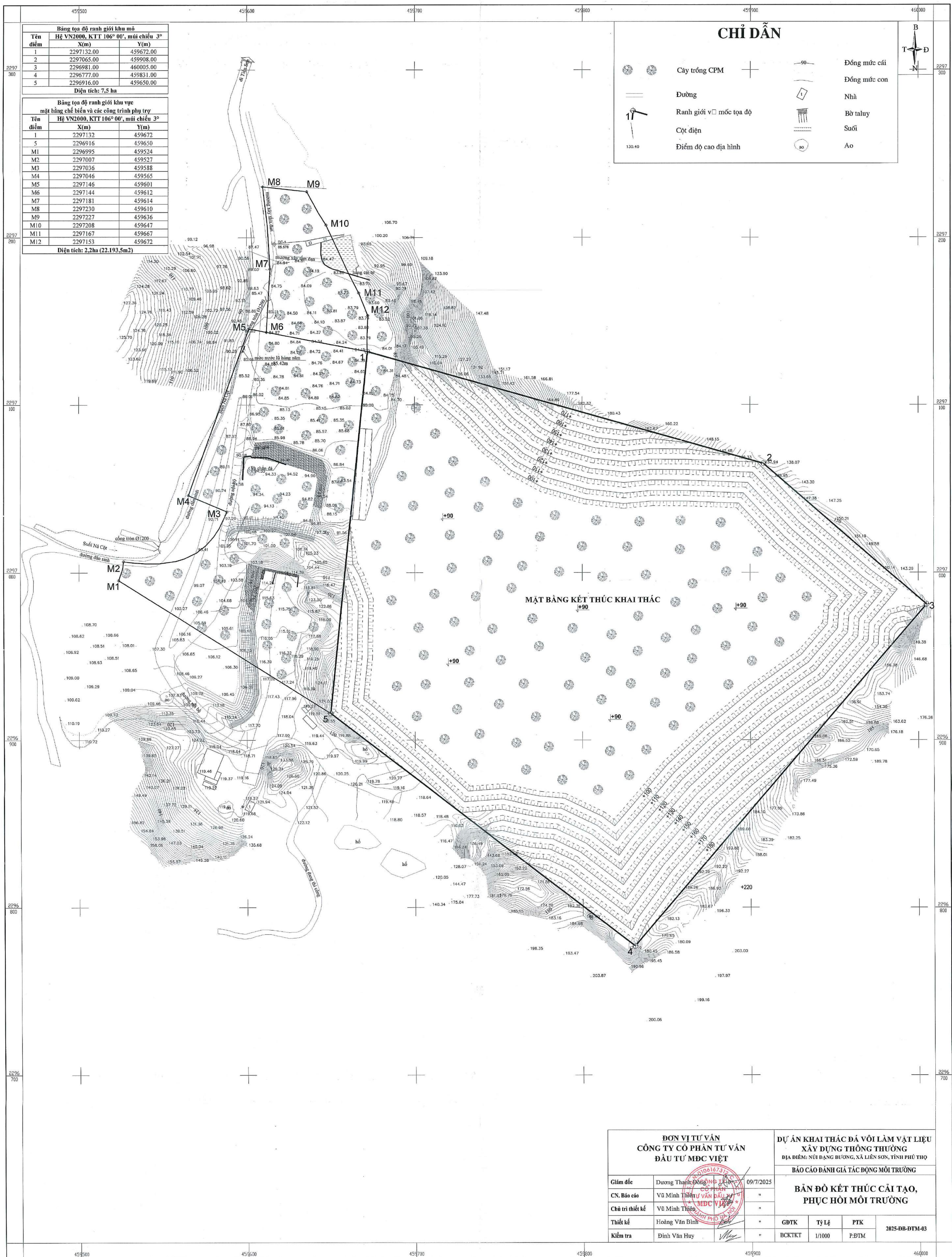
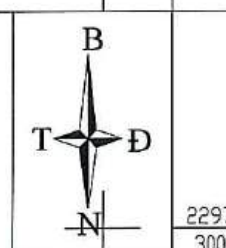
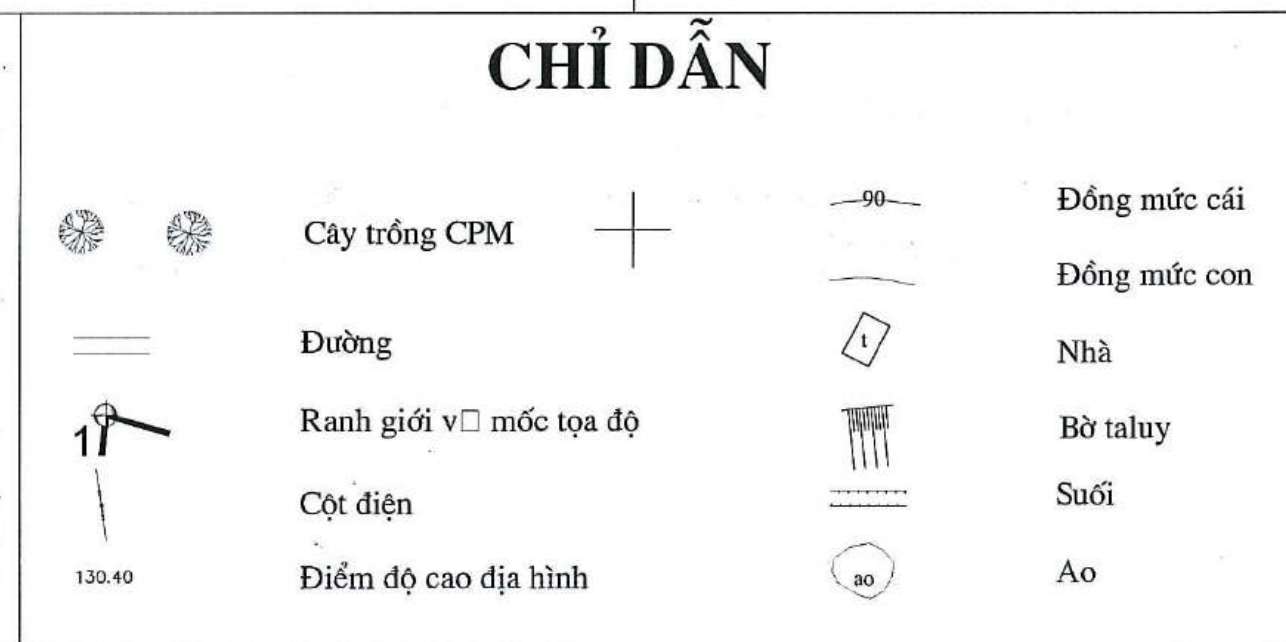
1 cm trên bản đồ bằng 10 m ngoài thực địa
20m 10 0 20 40 60 80m

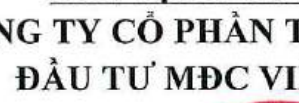
Khoảng cao đều đường đồng mức 1.0 m
Hệ cao độ: Nhà nước

Hệ tọa độ: VN-2000, kinh tuyến trực 106° 00' mũi chiếu 3°

Bảng tọa độ ranh giới khu vực mặt bằng chế biến và các công trình phụ trợ		
Tên điểm	X(m)	Y(m)
1	2297132	459672
5	2296916	459650
M1	2296995	459524
M2	2297007	459527
M3	2297036	459588
M4	2297046	459565
M5	2297146	459601
M6	2297144	459612
M7	2297181	459614
M8	2297230	459610
M9	2297227	459636
M10	2297208	459647
M11	2297167	459667
M12	2297153	459672
Diện tích: 2,2ha (22.193,5m2)		

Bảng tọa độ ranh giới khu vực mặt bằng chế biến và các công trình phụ trợ		
Tên điểm	X(m)	Y(m)
1	2297132	459672
5	2296916	459650
M1	2296995	459524
M2	2297007	459527
M3	2297036	459588
M4	2297046	459565
M5	2297146	459601
M6	2297144	459612
M7	2297181	459614
M8	2297230	459610
M9	2297227	459636
M10	2297208	459647
M11	2297167	459667
M12	2297153	459672
Diện tích: 2,2ha (22.193,5m2)		



ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MÔI TRƯỜNG		DỰ ÁN KHAI THÁC ĐÁ VỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG ĐỊA ĐIỂM: NÚI ĐẶNG BƯƠNG, XÃ LIÊN SƠN, TỈNH PHÚ THO	
		BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	
BẢN ĐỒ KẾT THÚC CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG			
Giám đốc	Dương Thanh Đồng	09/7/2025	
CN. Báo cáo	Vũ Minh Thiện	"	
Chủ trì thiết kế	Vũ Minh Thiện	"	
Thiết kế	Hoàng Văn Bình	"	
Kiểm tra	Đình Văn Huy	"	
		GDTKT	Tỷ Lệ
		BCKTKT	1/1000
		PTK	F:BTM
		2025-ĐB-BTM-03	

Tỷ Lệ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m ngoài thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m



Khoảng cao đều đường đồng mức 1.0 m
Hệ cao độ: Nhà nước
Hệ tọa độ: VN-2000, kinh tuyến trực 106° 00'